

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ – ST.

Ngày: 27-7-2022.

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mộng Tuyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

2. Bà **Võ Thị Ánh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Điều Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 123/2022/TBMLPT-TA ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Hồng Đ** - sinh năm 1976.

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. (xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Dương Thị C** - sinh năm 1977.

Nơi cư trú: khu vực D, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt lần thứ hai, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2022, bản tự khai ngày 04/7/2022 và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Dương Thị C do quen nhau và được gia đình chấp thuận nên ông bà tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình sau khi về chung sống vợ chồng bận chăm lo làm ăn để lo cho con nên

không quan tâm đến việc phải đi đăng ký kết hôn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân nhau nhiều lần vì vậy đến nay vợ chồng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C đi làm xa nhà nên vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay cự cãi nhau làm cho hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, mặc dù nhiều lần ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả, vì vậy ông và bà C đã chính thức sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm lẫn nhau nên ông bà vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Nay ông xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với bà C nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà C chung sống có 01 (một) con chung tên Phạm Hồng T, sinh ngày 15/3/1999. Do hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Quá trình chung sống ông và bà C không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2022 và ngày 07/7/2022 bà Bùi Thị H cho biết: Bà H có mối quan hệ là mẹ ruột của bà Dương Thị C và là mẹ vợ của ông Phạm Hồng Đ. Vào năm 1997, gia đình có tổ chức lễ cưới cho ông Đ, bà C theo phong tục của địa phương và trải qua thời gian chung sống ông Đ và bà C có một con chung tên Phạm Hồng T. Quá trình chung sống theo bà được biết do bất đồng quan điểm trong vấn đề tình cảm vợ chồng nên ông Đ, bà C đã chính thức sống ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Vào các lần Tòa án tổng đạt giấy triệu tập thì bà đều có thông báo lại cho bà C biết và bà C có nhờ bà thông báo lại với Tòa án là qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đ thì bà C cũng đồng ý ly hôn với ông Đ, đối với các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà C cũng thống nhất với ý kiến cũng như yêu cầu của ông Đ theo nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, tuy nhiên do bận đi làm công ty ở thành phố Hồ Chí Minh điều kiện giờ giấc làm việc và đi về gặp nhiều khó khăn nên bà C xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải, đối chất và yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà để giải quyết cho bà và ông Đ được ly hôn với nhau, bà cam kết sẽ không khiếu nại gì về sau.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất để động viên các đương sự bỏ qua mâu thuẫn, trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng nhiều lần bà C không đến nên không tiến hành hòa giải, đối chất được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Hồng Đ và bà Dương Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Đ, bà C chung sống có 01 (một) con chung tên Phạm Hồng T, sinh ngày 15/3/1999. Do hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông Đ không yêu cầu giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Tách phần tài sản chung và nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Hồng Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với bị đơn bà Dương Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà C là phù hợp theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Ông Phạm Hồng Đ yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị C. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Dương Thị C hiện nay đăng ký thường trú và vẫn còn sinh sống tại khu vực D, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Ông Phạm Hồng Đ và bà Dương Thị C bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1997 trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống theo ông Đ do bà C đi làm xa nhà nên vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến đời sống hôn nhân không còn được hạnh phúc, kéo dài đến năm 2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay vẫn không có giải pháp để hàn gắn tình cảm. Nay ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà C để ổn định cuộc sống. Xét, ông Đ, bà C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng ông Đ và bà C không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay ông

Đ yêu cầu xin ly hôn với bà C là không có cơ sở, mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung*: Ông Đ và bà C chung sống có 01 (một) con chung tên Phạm Hồng T, sinh ngày 15/3/1999. Khi ly hôn, do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Đ không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.3] *Về tài sản chung và về nợ chung*: Ông Đ xác định không có. Tuy nhiên, do bà C vắng mặt nên cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[3.4] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét, đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên bố:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Phạm Hồng Đ và bà Dương Thị C là vợ chồng.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Tách phần tài sản chung, nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Hồng Đ phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004472 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (*công nhận ông Đ đã nộp xong án phí*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền